

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự

Thông qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, giữa nguyên đơn là cụ ông Trần Tấn L và cụ bà Trần Thị T với bị đơn là bà Trần Thị H xảy ra tại huyện ĐD, tỉnh CM. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 9) thấy cần thông báo rút kinh nghiệm về những thiếu sót, vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án với những nội dung như sau:

I. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn (cụ L, cụ T) có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị Bích P là con gái tham gia tố tụng tại Tòa án khởi kiện, cho rằng: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 9.894,6m² nằm trong tổng diện tích 18.160m² đất tọa lạc tại ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh CM là của nguyên đơn do Nhà nước cấp cho hai cụ vào năm 1961, hai cụ sản xuất đến năm 1984, 1985 thì giao cho con gái là bà Trần Thị H và chồng là ông Cao Văn Đ, đồng thời nói cho luôn bà H ½ diện tích (9.120m²), ½ diện tích đất còn lại 9.120m² (đo thực tế là 9.894,6m²) chỉ giao cho vợ chồng bà H quản lý, sản xuất, sau khi thu hoạch trừ chi phí sản xuất số còn lại để nuôi các em bà H ăn học.

Năm 1994, vợ chồng ông Đ, bà H tự kê khai và được cấp quyền sử dụng đất với diện tích 20.760m² đứng tên ông Đ, trong đó có 2 phần: Thửa số 0115, diện tích 2.600m² là phần đất riêng của ông Đ bà H và 02 thửa số 0159 và số 0327 có tổng diện tích 18.160m² là phần đất có nguồn gốc của cụ L, cụ T được cấp nêu trên.

Năm 2000, cụ L, cụ T về sống chung cùng bà H, năm 2001 hai cụ sử dụng ½ diện tích đất 9.120m² (đo thực tế là 9.894,6m²) và đã cất nhà ở riêng cùng con gái là Trần Thị Bích P, còn bà H sử dụng ½ trong tổng diện tích đất trên.

Năm 2009, hai cụ họp gia đình phân chia đất làm hai phần, mỗi phần 24m x 380m cho bà H và bà P, bà H có ký tên xác nhận.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất hiện nguyên đơn đang ở có diện tích 9.120m² (đo thực tế là 9.894,6m²) và cho bị

đơn ½ diện tích còn lại như đã thỏa thuận. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ.

Phía bị đơn bà Trần Thị H không thừa nhận nội dung trình bày của nguyên đơn và cho rằng, năm 1976, vợ chồng bà đến làm ăn trên đất này, năm 1980 đất đưa vào Tập đoàn sản xuất, sau đó Tập đoàn giải thể, vợ chồng bà được giao diện tích 20.760m² và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1994, bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hiện nay, diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 9.894,6m² trong tổng số diện tích 20.760m² do ông Cao Văn Đ (đã chết năm 1994) là chồng của bà Trần Thị H (bị đơn) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện cụ L, cụ T (nguyên đơn) và con gái là bà Trần Thị Bích P (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã cất nhà ở và trực tiếp quản lý, sử dụng.

* Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Tại Công văn số 447/UBND-VP ngày 22/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện ĐD xác định: *Phần đất còn lại thửa đất số 159 và 327, diện tích đất 18.160m² là phần đất của cụ L, cụ T quản lý, canh tác từ năm 1961, sau đó cụ L, cụ T cho bà H ½ diện tích đất..., việc ông Đ viết đơn xin đăng ký sử dụng đất ở thửa số 159 và thửa số 327, với tổng diện tích 18.160m² mà không thông qua cụ L, cụ T để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không tuân thủ theo đúng quy định.*

- Tại Biên bản họp gia đình ngày 04/11/2009, bà H đã thừa nhận ký tên có nội dung: *Năm 1961 cụ L được cấp phần đất chiều ngang 48m, dài 380m, năm 1975 cụ L không trực tiếp canh tác đất này nên giao lại cho bà H, ông Đ quản lý, canh tác. Trong phần đất này, cụ L cho bà H và ông Đ ½ diện tích đất, phần đất còn lại cụ L cho bà H, ông Đ mướn trả lúa hàng năm.*

- Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm bà H xuất trình “*Giấy xác nhận*” ngày 24/9/2018 của ông Huỳnh Văn Th và “*Giấy xác nhận*” ngày 20/9/2018 của ông Nguyễn Hy V, nội dung của các văn bản này đều thể hiện: *Năm 1982, ông Đ, bà H được Tập đoàn 7, ấp ND giao quản lý, sử dụng diện tích đất 18.160m², đến năm 1984, khi Tập đoàn giải thể thì hộ bà H vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994.*

* Sau khi nhận được đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của cụ L, cụ T, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã QPB và Ủy ban nhân dân huyện ĐD, tỉnh CM, lấy lời khai của đương sự, người làm chứng đã xác định được như sau:

- Tại Báo cáo số 1368/BC-UBND, ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện ĐD có nội dung xác định: “Đất có nguồn gốc của ông Trần Tấn L và bà Trần Thị T cấp cho con rể (ông Cao Văn Đ) là chưa phù hợp”.

- Ủy ban nhân dân xã QPB có Văn bản ngày 26/10/2020, kèm theo Văn bản ngày 10/02/2020 của ông Nguyễn Quốc V và một số cá nhân khác là cán bộ xã thời điểm đó xác định: “Có việc thành lập Tập đoàn sản xuất nông nghiệp, nhưng không phải là Tập đoàn số 7. Tập đoàn chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn (khoảng 1 năm) thì giải thể vì vấp phải sự phản ứng của bà con nên dừng, không điều chỉnh cho ai khác. Do vậy, những người làm chứng cho bà H không đúng sự thật”.

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 5/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh CM quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận phần đất diện tích đất đo đạc thực tế là 9.894,6m² cho ông L, bà T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có vị trí, ranh giới cụ thể (kèm trích đo thửa đất). Ông L, bà T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C159607 Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp ngày 01/11/1994 cho ông Đ.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H. Giữ nguyên phần đất tranh chấp 9.120m² (đo đạc thực tế 9.894,6m²) cho ông L, bà T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ.

Ngày 19/3/2018, bà H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nêu trên đề nghị xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 357/2019/DS-PT ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, bà T đòi công nhận diện tích đất 9.894,6m².

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T về đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/11/1994 cho ông Đ.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà H việc đòi bà T trả lại diện tích đất 9.120m² (đo đạc thực tế 9.894,6m²).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự.

Ngày 20/2/2020, cụ L, cụ T có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 07/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/QĐKNGĐT-VKS-DS đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 357/2019/DS-PT ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 30/2021/DS-GĐT ngày 17/9/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định: *Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 07/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 357/2019/DS-PT ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh CM; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh CM xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.*

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

1. Về tố tụng: Tại “Giấy ủy quyền” ngày 01/3/2017, cụ L, cụ T ủy quyền cho bà Trần Thị Bích P tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết tranh chấp với bà Trần Thị H, giấy ủy quyền có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã QPB, nhưng không đề ngày, tháng, năm xác nhận. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập, làm rõ giấy ủy quyền được UBND xã QPB xác nhận ngày nào? Khi xác nhận có trực tiếp chứng kiến việc ký vào giấy ủy quyền của các bên hay không mà đã xác định bà P là người đại diện theo ủy quyền của hai cụ là có thiếu sót.


2. Về nội dung:

Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào “Giấy xác nhận” ngày 24/9/2018 của ông Huỳnh Văn Th và “Giấy xác nhận” ngày 20/9/2018 của ông Nguyễn Hy V, thể hiện cùng nội dung “Năm 1982, ông Đ, bà H được Tập đoàn 7, ấp ND giao quản lý, sử dụng diện tích đất 18.160m², đến năm 1984, khi Tập đoàn giải thể thì hộ bà H vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994” do bà H cung cấp trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm để xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của Tập đoàn 7 giao cho vợ chồng bà H, ông Đ, không triệu tập người làm chứng đến Tòa án để giải thích quyền, nghĩa vụ và lấy lời khai, đồng thời thu thập thêm tài liệu chứng cứ làm rõ nội dung theo xác nhận của ông Th và ông V có đúng hay không mà đã quyết định “Sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” là không đúng

quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và chưa đủ căn cứ.

Trên cơ sở kết quả xác minh của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho thấy: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ dựa vào “Giấy xác nhận” của ông Th và ông V mà không xác minh, làm rõ để làm căn cứ giải quyết vụ án là chưa đủ căn cứ. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao có đủ căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của nguyên đơn. Đồng thời xác định nội dung nêu tại “Giấy xác nhận” của ông Th và ông V là không đúng, nên không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, do có thiếu sót về Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như đã nêu trên nên cần thiết phải hủy bản án dân sự sơ thẩm và hủy bản án dân sự phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh CM để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Từ vụ án trên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo để các Viện kiểm sát nhân dân các cấp nghiên cứu tham khảo, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự. 

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng, PVT VKSTC (để b/c);
- Đ/c Vụ trưởng Vụ 9 (b/c);
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- VKSND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: HSKS, VP, Vụ 9.

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ,
VIỆC DÂN SỰ, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Vương Hồng Quảng